

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-PT

Ngày: 24 – 3 - 2023

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tử Lượng

Các Thẩm phán: bà Trần Thị Sâm và ông Đinh Huy Lưỡng

- Th4 ký phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Diệp - Th4 ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: bà Phạm Minh Ngọc

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Hoàng Văn B sinh năm 1943; địa chỉ: thôn K, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: bà Hoàng Thị M sinh năm 1956 (chết ngày 12/9/2021); nơi cư trú cuối cùng: thôn K, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn: ông Hoàng Văn Kh sinh năm 1945; địa chỉ: thôn K, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Văn H sinh năm 1938 (đã chết ngày 29/10/2020); nơi cư trú cuối cùng: thôn K, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Văn H:

+ Bà Đỗ Thị Ch sinh năm 1937;

- + Anh Hoàng Hồng H1 sinh năm 1956;
- + Chị Hoàng Thị Th sinh năm 1964;
- + Chị Hoàng Thị Th1 sinh năm 1962;
- + Anh Hoàng Văn Th2 sinh năm 1968;
- + Anh Hoàng Văn Th3 sinh năm 1971;
- + Chị Hoàng Thị Th4 sinh năm 1975;

Đều trú tại địa chỉ: thôn K, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

+ Chị Hoàng Thị T sinh năm 1980; địa chỉ: số nhà 9/115 Tr, phường N, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Người đại diện hợp pháp của bà Ch, chị Th, chị Th1, anh Th2, chị T, anh Th3: ông Hoàng Hồng H1 sinh năm 1956; địa chỉ: thôn K, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 25/3/2021 và ngày 01/4/2021).

- Ông Hoàng Văn Kh sinh năm 1945;
- Bà Lê Thị L;
- Anh Hoàng Văn Nh sinh năm 1984;
- Chị Nguyễn Thị Ng sinh năm 1990;
- Anh Hoàng Hồng Th5 sinh năm 1987;

Đều trú tại địa chỉ: thôn K, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Ủy ban nhân dân huyện H; địa chỉ: thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình;

Người đại diện hợp pháp: ông Lưu Quang M – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/7/2022).

4. Người làm chứng: ông Đinh Công H, ông Hoàng Văn TH6, ông Hoàng Minh V; đều trú tại: thôn K, xã Ninh X, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

5. Người kháng cáo: anh Hoàng Hồng H1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Văn H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Ch, chị Th, chị Th1, anh Th2, chị T, anh Th3; anh Hoàng Văn Nh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là ông Hoàng Văn B trình bày:

Cụ Hoàng Văn Hạng (chết năm 1989) và cụ Lê Thị Chiềng (chết năm 1998) sinh được 07 người con là ông Hoàng Văn H (ông H chết năm 2020, có

vợ là bà Ch và các con là anh H1, chị Th, chị Th1, anh Th2, chị Th4, chị T, anh Th3), ông Hoàng Văn B, ông Hoàng Văn Kh, ông Hoàng Văn Mạnh (ông Mạnh chết năm 2011, có vợ là bà L và các con là anh Nh, anh Th5), bà Hoàng Thị Chiêng (bà Chiêng chết năm 2015, không có chồng, con), bà Hoàng Thị M (chết năm 2021, không có chồng, con) và một người con gái chết từ khi còn nhỏ). Cụ Hạng, cụ Chiêng chết không để lại di chúc.

Quá trình chung sống, cụ Hạng và cụ Chiêng có 03 thửa đất, trong đó thửa 12 thước chia cho ông Kh 08 thước, bà M 04 thước; sau đó ông Kh lấy đất của bà M nên bà M đã về sống cùng bố mẹ. Thửa 07 thước chia cho ông B. Còn thửa 17 thước, ngày 26/9/1983 cụ Hạng, cụ Chiêng lập giấy chia đất cho các con với sự chứng kiến của tất cả thành viên trong gia đình nhất trí chia cho ông H 05 thước, bà Chiêng 03 thước (72m²) còn lại của cụ Hạng, cụ Chiêng 09 thước (190m²) thuộc thửa đất số 198, tờ bản đồ 13, phụ L 06 tại thôn K, xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (là thửa đất hiện đang tranh chấp). Trên đất có 04 gian nhà ngói, 01 bể nước, một số cây lưu niên. Năm 2013, bà Chiêng thuộc diện hộ nghèo không có chồng con nên đã được nhà nước xây nhà tình thương trên diện tích đất bố mẹ cho. Văn bản chia đất ngày 26/9/1983 hiện Ủy ban nhân dân (UBND) xã Ninh Xuân đang quản lý.

Ngày 16/11/2000, UBND huyện Hoa Lư cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 284648 (GCNQSDĐ) đối với toàn bộ diện tích thửa đất số 198 là 262m² cho bà Chiêng. Năm 2005, bà Chiêng lập di chúc để lại toàn bộ thửa đất cho bà M. Năm 2015, bà Chiêng chết nên bà M quản lý toàn bộ đất và tài sản trên đất. Năm 2020, anh Nh (vợ là chị Ng) đã phá dỡ nhà ngói 04 gian, bếp và bể nước mưa để làm nhà 01 tầng trên đất của cụ Hạng, cụ Chiêng để lại. Hiện nay, trên đất không còn tài sản gì của cụ Hạng, cụ Chiêng.

Đối với các tài liệu do anh Nh giao nộp, ông B không công nhận 04 bản phân chia tài sản đề ngày 11/9/1978 và 01 bản phân chia di sản đề ngày 09/9/1987 là của cụ Hạng lập vì hiện nay không có căn cứ nào để xác định đây là chữ ký, chữ viết của cụ Hạng. Khoảng từ tháng 11/1985 cụ Hạng đã bị tai biến, chân tay co quắp không đi lại viết lách được, phải có người phục vụ vệ sinh ăn uống, do vậy cụ Hạng không thể lập được bản phân chia tài sản năm 1987. Ông B không thừa nhận chữ ký của ông trong biên bản họp đại gia đình anh em lập ngày 20/9/2009.

Việc UBND huyện Hoa Lư cấp GCNQSDĐ cả phần diện tích 190m² thuộc quyền sử dụng của cụ Hạng, cụ Chiêng cho bà Chiêng là không đúng, đây

là di sản của cụ Hạng, cụ Chiềng chưa phân chia. Đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện Hoa Lư đã cấp cho bà Chiềng, chia thừa kế theo pháp luật tài sản của cụ Hạng, cụ Chiềng theo diện tích Th3 tế là 186m² đất ở (phần đất đang có nhà và các công trình do vợ chồng anh Nh chị Ng xây dựng, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ trên Th3 tế là 186m² đất ở) thuộc thửa 198, tờ bản đồ 13, phụ L 06 tại thôn K, xã Ninh Xuân (04 gian nhà, bể nước anh Nh đã tháo dỡ và chặt hết cây lưu niên nên không yêu cầu định giá và chỉ yêu cầu chia tài sản hiện đang còn).

Ông B xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí giải quyết vụ án do là người cao tuổi. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ông B tự nguyện nộp toàn bộ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn bà Hoàng Thị M: quá trình giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M (bà Ninh Thị Hà - trợ giúp viên pháp lý) trình bày: căn cứ vào GCNQSDĐ đã cấp cho bà Hoàng Thị Chiềng và di chúc của bà Chiềng để lại tài sản là thửa đất cho bà M thì đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến anh Hoàng Văn Nh, bà Lê Thị L và anh Hoàng Văn Th5, chị Nguyễn Thị Ng: về quan hệ gia đình thống nhất như nguyên đơn trình bày. Phần diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của ông cha để lại cho cụ Hạng và cụ Chiềng nhưng đã thuộc quyền sở hữu của bà M theo di chúc ngày 15/11/2005 của bà Chiềng. Tại bản di chúc phân chia tài sản qua các thời kỳ trong đó có 04 bản phân chia tài sản đề ngày 11/9/1978 và 01 bản ngày 09/9/1987 do cụ Hạng lập đã phân chia tài sản cụ thể cho 06 người con. Thửa đất đang tranh chấp cụ Hạng và cụ Chiềng đã phân chia cho bà Chiềng 72m² và ông Mạnh 190m². Đất bà Chiềng ở phía Đông giáp đất nhà ông H, đất ông Mạnh ở phía Tây. Sau khi cụ Hạng, cụ Chiềng mất, ông Mạnh đã chuyển lại cho bà Chiềng 190m² để tạo điều kiện cho bà M về sống cùng bà Chiềng, do ông Kh đã chiếm đất của bà M trong khi bà M tàn tật, không ai cư mang. Thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ cho bà Chiềng. Ông Mạnh, bà Chiềng, bà M cùng thống nhất sau này sẽ để lại toàn bộ thửa đất trên cho anh Nh sử dụng. Khi bà Chiềng mất, bà M toàn quyền sử dụng thửa đất theo di chúc của bà Chiềng. Năm 2017, gia đình anh Nh đã về ở trên đất cùng bà M. Năm 2020, anh Nh đã tháo dỡ 04 gian nhà ngói, 02 gian bếp, bể nước để xây nhà kiên cố trên phần đất ông B đang tranh chấp. GCNQSDĐ đã cấp cho bà Chiềng là đúng. Anh Nh, bà L, anh Th5 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn. Chị Ng đã được thông báo, triệu tập

nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng và không có quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nh trình bày: theo 04 bản di chúc lập năm 1978 và 01 bản lập năm 1987 do cụ Hạng để lại thì các con đều có phần, trong đó phần của ông Mạnh có 04 gian nhà, 09 Th4óc đất. Thời điểm lập giấy Giấy chia đất cho con năm 1983, cụ Hạng cụ Chiêng đã chia nhà đất cho ông H, ông Kh, ông B. Riêng ông Mạnh chưa được chia nên khi Ủy ban xã yêu cầu kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì chỉ có cụ Hạng kê khai, ông Mạnh không kê khai. Đến năm, năm 1987, ông Mạnh được cụ Hạng chia đất và chốt lại ở Bản phân chia tài sản năm 1987. Trước khi chết, bà M lập di chúc có người làm chứng để giao lại tài sản cho anh nhưng anh xác định di chúc này không liên quan đến vụ án và không giao nộp cho Tòa án di chúc của bà M. Hiện anh cũng không thấy còn tài liệu, giấy tờ gì lưu giữ chữ viết, chữ ký của cụ Hạng trước, trong và sau thời điểm cụ Hạng lập các bản phân chia tài sản cho con để làm căn cứ giám định chữ viết, chữ ký của cụ Hạng tại các bản phân chia tài sản.

Ý kiến của chị Hoàng Thị Th4 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H: nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của Hạng và cụ Chiêng để lại cho con cháu, các cụ chia cho ai, như nào thì chị không biết rõ. Yêu cầu khởi kiện của ông B, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, phần thừa kế của chị nếu được hưởng chị xin từ chối nhận. Chị Th4 có nguyện vọng các bên hòa giải với nhau để giải quyết vụ án. Chị Th4 xin vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Ý kiến của anh Hoàng Hồng H1 người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Ch, chị Th, chị Th1, anh Th2, chị T, anh Th3: anh H1 nhất trí với quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai của ông Hoàng Văn B và không có ý kiến gì khác.

Ông Hoàng Văn Kh: quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù đã được thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng ông Kh từ chối nhận các văn bản tố tụng, không đến tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện H: sau khi xem xét nguồn gốc sử dụng thửa đất của bà Hoàng Thị Chiêng được thể hiện qua các tài liệu địa chính lưu trữ, UBND huyện nhận thấy theo bản đồ lập năm 1986 vị trí thửa đất bà Chiêng sử dụng là thửa 87, tờ bản đồ số 10 (năm 1979 ghi tên ông Trương), diện tích 80m². Theo bản đồ lập năm 2000 và GCNQSDĐ, vị trí đất đã cấp cho bà Chiêng

gồm cả đất bà Chiêng và ông Mạnh (đất ông Mạnh theo bản đồ lập năm 1986, thửa 88 tờ bản đồ số 10, diện tích 190m²). Hiện nay, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện không giữ giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng diện tích đất trên từ ông Mạnh sang bà Chiêng. Do vậy, việc cấp giấy CNQSDĐ cho bà Chiêng thửa đất số 198, tờ bản đồ số 13, PL6, diện tích 262m² là chưa chính xác. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Hồ sơ địa chính của thửa đất tranh chấp qua các thời kỳ:

** Bản đồ, mục kê năm 1979*

- Thửa đất số 87 tờ bản đồ số 10 mang tên ông Trương, diện tích 80m² đất thổ cư.

- Thửa số 88 tờ bản đồ số 10 mang tên ông Mạnh, diện tích 190m² đất thổ cư

** Bản đồ, mục kê năm 1986, tờ số 10:*

- Thửa đất số 87 tờ bản đồ số 10 mang tên ông Hoàng Thị Chiêng, diện tích 80m² đất thổ cư.

- Thửa số 88, tờ bản đồ số 10 mang tên ông Hoàng Văn Mạnh diện tích 190m² đất thổ cư.

** Bản đồ, mục kê năm 2000, sổ địa chính:* Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 13 PL 06 mang tên Hoàng Thị Chiêng, diện tích 262m²; GCNQSDĐ số M 284648 ngày 16/11/2000 mang tên Hoàng Thị Chiêng (Diện tích đất tranh chấp thửa số 198, tờ bản đồ 13 PL 06 có vị trí là thửa 87 và 88 tại bản đồ và mục kê năm 1979, 1986).

** Hồ sơ địa chính năm 1986 lưu trữ tại UBND xã Ninh Xuân:*

- Giấy chia đất cho con lập ngày 26/9/1983 có chữ ký của cụ Hạng, điểm chỉ của cụ Chiêng và chữ ký của các con là các ông bà H, B, Kh, Chiêng, M, Mạnh.

- Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của cụ Hạng ngày 31/10/1983 (cụ Hạng kê khai quyền sử dụng đất tại thửa 88, tờ bản đồ số 10 diện tích 190m²).

- Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của bà Hoàng Thị Chiêng ngày 31/10/1983 do cụ Hạng ký thay (cụ Hạng kê khai quyền sử dụng đất tại thửa số 87, diện tích 72m²).

- Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất của ông Hoàng Văn Mạnh ngày 31/10/1983 (nội dung kê khai thửa 171 tờ bản đồ số 10, đất thúng đầu, diện tích 360m², nguồn gốc do đại hội xã viên và UBND cấp để vượt thổ).

Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã N: giai đoạn năm 2017-2019, bà Hoàng Thị M làm đơn xin cấp GCNQSDĐ theo di chúc của bà Hoàng Thị Chiêng đối với thửa 198, tờ bản đồ số 13, PL06, bản đồ xã Ninh Xuân năm 2000 thì xảy ra tranh chấp với ông B và ông H. Ông B và ông H cho rằng bà Chiêng chỉ được bố mẹ cho 72m², diện tích còn lại của cụ Hạng và cụ Chiếng. UBND xã đã rà soát lại hồ sơ địa chính liên quan đến thửa đất qua các thời kỳ hiện còn lưu trữ, thấy rằng hồ sơ năm 1986 có đơn đăng ký kê khai quyền sử dụng đất của cụ Hạng, giấy chia đất cho con ngày 26/9/1983. Năm 2019, Th3 hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà Lê Thị L, theo tài liệu gia đình cung cấp có 01 đơn xin đất ở của ông Mạnh năm 1983 có nội dung là gia đình ông Mạnh chưa có đất đang ở trên đất của bố mẹ và được đại hội xã viên của Hợp tác xã xác nhận, UBND xã chứng Th3. Sau đó, gia đình ông Mạnh được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 13, PL06, hiện gia đình đã bán thửa đất này. UBND cũng đã giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà M với ông Kh đối với thửa đất gia đình ông Kh hiện đang sinh sống, không liên quan đến thửa đất số 198 Tòa án đang giải quyết do bà M có đơn đề nghị giải quyết chia cho bà M 03 Th4óc đất trong sổ đất ông Kh đang sử dụng theo văn bản phân chia tài sản của cụ Hạng lập do anh Hoàng Văn Nh cung cấp. UBND xã đã nhận được 01 phiếu thu lệ phí chuyển nhượng đất từ ông Cong bán trực tiếp cho ông Kh nên UBND đã không chấp nhận yêu cầu của bà M đòi 3 Th4óc đất của ông Kh. Khi cấp GCNQSDĐ cho bà Chiêng, do bà Chiêng kê khai cả đất nông nghiệp và đất ở nên UBND xã đã làm thủ tục đề nghị UBND huyện Hoa Lư cấp toàn bộ đất gồm cả diện tích đất hiện ông B có yêu chia thừa kế cho mình bà Chiêng.

- Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của TAND huyện Hoa Lư: thửa đất số 198, tờ bản đồ số 13, phụ L 06, bản đồ địa chính xã Ninh Xuân có diện tích Th3 tế là 258m² đất ở nông thôn, theo giá thị trường là 3.000.000 đồng/m². Phần đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế có diện tích 186m², giá trị định giá là 558.000.000 đồng. Tài sản gắn liền với phần đất tranh chấp có 01 cây na trị giá 300.000 đồng do cụ Hạng, cụ Chiếng để lại, các tài sản khác trên đất (nhà, sân, bể nước, ...) do vợ chồng anh Nh xây dựng có trị giá 558.392.000 đồng.

Những người làm chứng trình bày: ông Hoàng Minh Vương là anh em cùng chi khác ngành với ông B, ông Hoàng Văn TH1 là anh em cùng ngành với ông B, ông Đinh Công Hán là hàng xóm của ông B. Ông Vương, ông TH1, ông Hán cho biết thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc là cha ông để lại cho cụ

Trang (ông của ông B). Cụ Trang có 2 người con trai là cụ Công và cụ Hạng. Mạnh đất tranh chấp cụ Trang chia cho cụ Hạng. Cụ Hạng và vợ là cụ Chiếng sinh sống ở đó đến khi chết. Bà M, bà Chiếng sống cùng bố mẹ còn ông B, ông Kh, ông H khi lập gia đình thì được cụ Hạng cho đất ở riêng. Riêng ông Mạnh sau khi lập gia đình có sống cùng 2 cụ một thời gian ngắn đến năm 1982 -1983. Ông Mạnh là Th4ơng binh nên được Nhà nước cấp đất ở bên đò thôn K. Sau khi cấp đất thì ông Mạnh đã làm móng dựng nhà cấp 4 trên đất được cấp. Thửa đất đang tranh chấp từ trước đến nay không có ai tên là Trương sinh sống, thôn xóm cũng không có ai tên là Trương. Cụ Hạng trước khi mất có bị ốm một thời gian nhưng không rõ mức độ như thế nào. Tài sản cụ Hạng và cụ Chiếng để lại gồm 01 nhà cấp 4 lợp ngói, bể, bếp những tài sản này anh Nh đã tháo dỡ và xây dựng nhà mới. Sau khi bà Chiếng mất thì gia đình anh Nh về sống tại nhà tình nghĩa của bà Chiếng còn bà M sống ở nhà cấp 4 của các cụ để lại. Hiện nay, vợ chồng anh Nh đã xây dựng nhà 1 tầng mái thái trên đất tranh chấp.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022
Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư đã quyết định:*

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, 147, 227, 228, 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; khoản 3 Điều 16, 17, 35, 45 của Luật đất đai năm 1987; Điều 3, khoản 3 Điều 76 của Luật đất đai năm 1993; điểm g khoản 1, khoản 3 Điều 100 của Luật đất đai 2013; Điều 679 của Bộ luật dân sự 1995; Điều 357, 468, 611, 649, 650, 658, 660 của Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th4ờng vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp chia thừa kế tài sản là di sản của cụ Hạng và cụ Chiếng.

- Xác định di sản thừa kế của cụ Hạng và cụ Chiếng là 186m² đất ở tại thửa số 198 tờ bản đồ số 13 PL06 bản đồ địa chính xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình có trị giá 558.000.000 đồng (*năm trăm năm mươi tám triệu*). Diện tích đất có vị trí tứ cận:

- + Phía Bắc giáp đường thôn dài 10,3m;
- + Phía Nam giáp đất thửa 222 có chiều dài 11,51m;
- + Phía Đông giáp đất nhà bà Chiếng có chiều dài 16,92m;
- + Phía Tây giáp thửa 195 và thửa 223 có chiều dài 16,92m (có sơ đồ kèm theo bản án).

2. Phân chia di sản và thanh toán giá trị tài sản:

- Giao cho bà Lê Thị L, anh Hoàng Văn Nh, anh Hoàng Hồng Th5 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất ở 186m² tại thửa số 198 tờ bản đồ số 13 PL06 bản đồ địa chính xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình có giá trị là 558.000.000 (*năm trăm năm mươi tám triệu*) đồng. Diện tích đất có vị trí tứ cận:

- + Phía Bắc giáp đường thôn dài 10,3m;
- + Phía Nam giáp đất thửa 222 có chiều dài 11,51m;
- + Phía Đông giáp đất nhà bà Chiêng có chiều dài 16,92m;
- + Phía Tây giáp thửa 195 và thửa 223 có chiều dài 16,92m;

Trên đất được chia có các tài sản thuộc sở hữu của vợ chồng anh Hoàng Văn Nh và chị Nguyễn Thị Ng xây dựng gồm: Nhà chính, sân, tường bao, bể nước, ... có giá trị định giá là 558.392.000 (*năm trăm năm mươi tám triệu ba trăm chín mươi hai nghìn*) đồng.

- Bà L, anh Nh, anh Th5 có trách nhiệm liên đới theo phần bằng nhau thanh toán kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế của cụ Hạng, cụ Chiếng như sau:

+ Thanh toán cho ông Hoàng Văn B là 93.000.000 (*chín mươi ba triệu*) đồng (tương ứng bà L, anh Nh, anh Th5 mỗi người phải thanh toán cho ông B là 31.000.000 (*ba mươi một triệu*) đồng);

+ Thanh toán cho ông Hoàng Văn Kh 93.000.000 (*chín mươi ba triệu*) đồng (tương ứng bà L, anh Nh, anh Th5 mỗi người phải thanh toán cho ông Kh là 31.000.000 (*ba mươi một triệu*) đồng);

+ Thanh toán kỹ phần của ông Hoàng Văn H cho bà Ch và anh H1, chị Th, chị Th1, anh Th2, chị T, anh Th3 quản lý, sử dụng là 93.000.000 (*chín mươi ba triệu*) đồng (tương ứng bà L, anh Nh, anh Th5 mỗi người phải thanh toán cho các đồng thừa kế của ông H là 31.00.000 (*ba mươi một triệu*) đồng).

+ Thanh toán kỹ phần của bà Hoàng Thị Chiêng cho ông B và ông Kh quản lý, sử dụng là 93.000.000 đồng (*chín mươi ba triệu*) (tương ứng bà L, anh Nh, anh Th5 mỗi người phải thanh toán cho các đồng thừa kế của bà M là 31.000.000 (*ba mươi một triệu*) đồng).

+ Thanh toán kỹ phần của bà Hoàng Thị Chiêng cho ông B và ông Kh quản lý, sử dụng là 93.000.000 (*chín mươi ba triệu*) đồng (tương ứng bà L, anh Nh, anh Th5 mỗi người phải thanh toán cho các đồng thừa kế của bà M là 31.000.000 (*ba mươi một triệu*) đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

(Kèm theo bản án là sơ đồ chia di sản thừa kế).

3. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Văn B.

- Ông Hoàng Văn Kh phải nộp án phí đối với kỷ phần thừa kế được hưởng là $(93.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 4.650.000 \text{ đồng}$ và phải nộp án phí đối với $\frac{1}{2}$ kỷ phần thừa kế của bà M và bà Chiêng là 4.650.000 đồng. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp là 9.300.000 *(chín triệu ba trăm nghìn)* đồng.

- Bà Lê Thị L, anh Hoàng Văn Nh, anh Hoàng Hồng Th5 mỗi người phải nộp án phí là 1.550.000 *(một triệu năm trăm năm mươi nghìn)* đồng.

- Bà Đỗ Thị Ch, anh Hoàng Hồng H1, chị Hoàng Thị Th, chị Hoàng Thị Th1, anh Hoàng Văn Th2, chị Hoàng Thị T, anh Hoàng Văn Th3 mỗi người phải nộp án phí là 664.300 *(sáu trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm)* đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo; quyền thỏa thuận, yêu cầu, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 anh Hoàng Văn Nh gửi đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư. Lý do: đề nghị xem xét giám định lại 05 bản di chúc anh Nh đã nộp cho Tòa án; đề nghị xem xét lại văn bản trả lời của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư về việc chưa đủ chính xác việc cấp sổ đỏ cho bà Hoàng Thị Chiêng; đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét lại và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 anh Hoàng Hồng H1 nộp đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư về một số nội dung như sau:

+ Trong quá trình ông H khởi kiện đòi thừa kế di sản từ năm 2017 cũng là thời điểm anh Nh đến thừa đất tranh chấp để ở. Năm 2020 anh Nh đã cố tình phá hủy trái phép 04 gian nhà cấp 4, 02 gian nhà bếp, 01 bể nước trên mảnh đất. Trong đó 04 gian nhà cấp 4 đang được anh em, con cháu thờ cúng ông bà tổ tiên ở đấy. Trong suốt quá trình anh Nh phá dỡ ngôi nhà anh H1 và gia đình đã phản ánh kịp thời đến UBND xã Ninh Xuân, Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư nhiều

lần nhưng không được ngăn chặn kiên quyết là thiếu trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền, nội dung này không thấy trong bản án đề cập.

+ Anh H1 và gia đình không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm phân chia di sản thừa kế 186m² đất tại thửa đất 198 tờ số 13 PL6 cho các thành viên thừa kế bằng tiền. Vì thửa đất là di sản thừa kế chung, nguyện vọng của ông B, ông H được hưởng thừa kế theo quy định.

+ Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc anh Nh phải tháo dỡ công trình xây dựng bất hợp pháp trên diện tích đất di sản thừa kế trên phần đất ông B, ông H1 (người được ủy quyền) được hưởng, khôi phục lại nhà cấp 4. Phân chia di sản bằng đất cho gia đình ông H1 và ông B để làm tài sản chung, làm nơi thờ tự tổ tiên theo truyền thống.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Hoàng Văn B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Hoàng Văn Nh, anh Hoàng Hồng H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th4 ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Th4ờng vụ Quốc hội.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hoàng Văn Nh và anh Hoàng Hồng H1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư.

- Anh Nh, anh H1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người đã nộp là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Anh Hoàng Văn Nh và anh Hoàng Hồng H1 đã Th3 hiện quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án được xét xử lại theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chỉ Th4, ông Kh, bà L, chị Ng, anh Th5 và ông Minh vắng mặt tại phiên tòa; trong đó ông Minh đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của

Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng có tên nêu trên.

Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn B là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo

Trên cơ sở thừa nhận của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định thời điểm giải quyết sơ thẩm diện thừa kế của cụ Hạng, Chiếng là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm 6 người con là ông Hoàng Văn H, ông Hoàng Văn B, ông Hoàng Văn Kh, ông Hoàng Văn Mạnh, bà Hoàng Thị Chiếng, bà Hoàng Thị M.

Bà M chết trong quá trình tham gia tố tụng; thời điểm bà M chết hàng thừa kế thứ nhất không còn ai, hàng thừa kế thứ hai chỉ còn ông B và ông Kh. Trong vụ án này, ông B và bà M cùng là đương sự nhưng có quyền và lợi ích hợp pháp đối lập nhau nên ông B không được làm người đại diện theo pháp luật cho bà M. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Kh là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà M là đúng quy định tại khoản 1 Điều 74, điểm a khoản 1 Điều 87 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn H cũng đã chết trong quá trình tham gia tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định và đưa vợ, con của ông H là bà Ch, anh H1, chị Th, chị Th1, anh Th2, chị Th4, chị T, anh Th3 vào tham gia tố tụng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đều thừa nhận thừa đất số 198 tờ bản đồ số 13 PL06 bản đồ địa chính xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình có nguồn gốc là tài sản chung của vợ chồng cụ Hoàng Văn Hạng và cụ Lê Thị Chiếng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nh nộp 05 bản phân chia tài sản đề ngày 11/9/1978 và 01 bản phân chia tài sản đề ngày 09/9/1987 ký tên Hoàng Văn Hạng. Phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà M, anh Nh, bà L và anh Th5 cho rằng đây là bản di chúc phân chia tài sản của cụ Hạng cho các con qua các thời kỳ, được các con của hai cụ công nhận tại biên bản họp gia đình ngày 20/9/2009 (ông Kh không tham gia và không ký biên bản). Từ đó, bà M và anh Nh xác định diện tích 186m² đang tranh chấp đã được cụ Hạng phân chia cho ông Mạnh, sau đó ông Mạnh đã để lại cho bà Chiếng sử dụng. Xem xét các bản phân chia tài sản do anh Nh nộp: về hình thức, các bản phân chia tài sản đều là bản viết tay, không có người làm chứng, không có chứng Th3 của cơ

quan có thẩm quyền. Về nội dung: thể hiện việc phân chia tài sản chung của vợ chồng cụ Hạng, cụ Chiếng nhưng chỉ thể hiện cụ Hạng đứng ra chia, không có quan điểm, chữ ký của cụ Chiếng; nội dung phân chia mang tính chất ghi chép, theo dõi, liệt kê lại của riêng cá nhân cụ Hạng qua các thời kỳ, nội dung không thể hiện cụ thể số thửa, vị trí tứ cận của diện tích phân chia; văn bản được ghi trong nhiều năm, nội dung phân chia có sự thay đổi theo các thời kỳ, văn bản viết bằng nhiều màu mực, nhiều chỗ sửa chữa (ghi chèn, ghi đè mực khác), không có căn cứ để xác định việc phân chia đất đã được đăng ký chuyển quyền sử dụng đất hợp pháp cho ông Mạnh ... Do vậy, về hình thức và nội dung của các bản phân chia do anh Nh nộp không đảm bảo tính pháp lý, không phát sinh hiệu lực pháp luật, không có giá trị chứng minh nên không cần thiết phải giám định chữ ký, chữ viết của cụ Hạng.

Đối với Giấy chia đất cho con ngày 26/9/1983 được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Xuân có nội dung thể hiện cụ Hạng và cụ Chiếng đứng ra chia cho ông H 05 thước đất, bà Chiếng 03 thước đất, còn lại 09 thước đất là của cụ Hạng và cụ Chiếng. Giấy chia đất có chữ ký của cụ Hạng, điểm chỉ của cụ Chiếng và chữ ký của 06 người con trong gia đình. Nội dung văn bản nêu trên phù hợp với đơn xin kê khai đăng ký quyền sử dụng đất ngày 31/10/1983 của cụ Hạng đối với 190m² tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 10 (diện tích hiện ông B đang có yêu cầu chia thừa kế), đơn xin kê khai đăng ký quyền sử dụng đất ngày 31/10/1983 của bà Chiếng đối với diện tích 72m² tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 10 (do cụ Hạng đứng ra kê khai và ký thay). Ngày 31/10/1983 ông Mạnh cũng có đơn xin kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nhưng ông Mạnh chỉ kê khai đối với diện tích 360m² tại thửa 171, tờ bản đồ số 10, không kê khai đối với diện tích đất hiện đang tranh chấp. Như vậy, các tài liệu được lưu trữ tại UBND xã Ninh Xuân thể hiện cụ Hạng, ông Mạnh đã trực tiếp đứng ra kê khai quyền sử dụng đất của mình. Nội dung cụ Hạng, ông Mạnh kê khai, đăng ký phù hợp với nội dung giấy chia đất ngày 26/9/1983.

Đối với việc sổ mục kê và bản đồ địa chính năm 1979 và 1986 thể hiện thửa đất số 88, tờ bản đồ số 10 có diện tích 190m² mang tên ông Hoàng Văn Mạnh đến nay mẹ con bà L không cung cấp được giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc vợ chồng cụ Hạng, cụ Chiếng chuyển quyền sử dụng thửa đất cho ông Mạnh. Trong đơn kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, ông Mạnh không đăng ký quyền sử dụng đối với diện tích đất này. Trên Th3 tế, cụ Hạng, cụ Chiếng cùng bà M, bà Chiếng là những người trực tiếp quản lý, sử dụng và sinh sống trên thửa

đất đến khi chết. Do đó, có đủ căn cứ xác định trong thửa đất số 198 tờ bản đồ số 13 PL06 bản đồ địa chính xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình vợ chồng Hoàng Văn Hạng và cụ Lê Thị Chiếng có quyền sử dụng hợp pháp 186m² đất ở, bà Hoàng Thị Chiếng có quyền sử dụng hợp pháp 72m² đất ở.

Các đương sự và Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh bà Hoàng Thị Chiếng có quyền sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất số 198 tờ bản đồ số 13 PL06. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Chiếng được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 262m² tại thửa 198, tờ bản đồ 13, PL06 là không có căn cứ, trái với quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ.

Bà Chiếng thuộc hàng thừa kế thứ nhất, bà Chiếng chết sau hai cụ nên vẫn thuộc diện được hưởng di sản của cụ Hạng, cụ Chiếng. Do đó, bản án sơ thẩm nhận định không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà trên cơ sở yêu cầu của đương sự, Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền sẽ căn cứ vào bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án là phù hợp. Ý kiến, quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư xác định: *“việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hoàng Thị Chiếng đối với thửa đất số 198, tờ bản đồ số 13 PL06, diện tích 262m² là chưa chính xác”* là có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm đã xác định diện tích 186m² đất ở tại thửa đất số 198, tờ bản đồ 13 PL06 bản đồ địa chính xã Ninh Xuân là di sản của cho cụ Hạng, cụ Chiếng là có căn cứ. Cụ Hạng, cụ Chiếng không để lại di chúc nên bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế của hai cụ cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là phù hợp với quy định tại các Điều 613, 650, 651 của Bộ luật dân sự.

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, các đồng thừa kế đều đã có chỗ ở ổn định; trên diện tích đất là di sản thừa kế, gia đình anh Nh đã xây dựng nhà và các công trình kiên cố gần hết diện tích đất nên việc phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho các đồng thừa kế sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng và gây thiệt hại đến tài sản của gia đình anh Nh và không đủ điều kiện đã quyết định giao toàn bộ di sản là 186m² đất cho mẹ con bà L, anh Nh, anh Th5 quản lý, sử dụng và có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch về tài sản cho các đồng thừa kế khác là đúng pháp luật.

Các đương sự đều thừa nhận trên thửa đất, cụ Hạng cụ Chiếng còn có 4 gian nhà ngói, 01 bể nước và một số cây lưu niên. Trong quá trình sử dụng anh Nh đã phá bỏ nhà, bể nước và chặt hết cây cối. Hiện tại, các tài sản nêu trên không còn tồn tại. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Hoàng Văn B chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế là những tài sản hiện còn, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Ngày 25/11/2020 ông B và anh H1 đã có đơn đề nghị chỉ xem xét thẩm định, định giá tài sản là quyền sử dụng đất, không yêu cầu định giá 04 gian nhà cấp 4, bể nước và một số cây lưu niên. Do đó, anh H1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh Nh phải khôi phục lại ngôi nhà cấp 4 là không thể thực hiện được và ngoài phạm vi xét xử phúc thẩm. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có đương sự nào yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Do đó, anh H1 kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư không ngăn chặn hành vi tháo dỡ các công trình trên đất của anh Nh là không có căn cứ.

Xét thấy trong quá trình giải vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nh và anh H1 không giao nộp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nh và anh H1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

[3] Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nh, anh H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

2. Về án phí: anh Hoàng Văn Nh, anh Hoàng Hồng H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2021/0002202 ngày 12 tháng 9 năm 2022 và biên lai số

AA/2021/0002203 ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Hoa Lư; anh Nh, anh H1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (24/3/2023).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND H.Hoa Lư;
- CCTHADS H.Hoa Lư;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tử Lượng